Digitally signed by TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ
Date: 2026.03.12 14:16:24+07'00'

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HÒA THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 70/CBTT-HT

Đà Nẵng, *ngày 12 tháng 03 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức : **Tổng công ty cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

- Mã chứng khoán: HTG
- Trụ sở chính: 36 Ông Ích Đường, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
- Điện thoại: 0236.3673215
- Fax: 0236.3846290
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Cường
- Chức vụ: Giám đốc điều hành – Người ủy quyền Công bố thông tin

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng và Hợp nhất năm 2025
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế năm 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/03/2026 tại đường dẫn: https://hoatho.com.vn/quan-he-co-dong/tinh-hinh-tai-chinh/2026-4.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
- BCTC kiểm toán riêng năm 2025
- BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2025
- Giải trình biến động LNST năm 2025

Đại diện tổ chức
NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT

M.S.D.N: 0400101556 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ
P. CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

Nguyễn Văn Cường

KPMG

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 11 tháng 10 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch
	Bà Trần Tường Anh	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
	Ông Lê Quốc Ân	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Trị	Thành viên
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Kim Khanh	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
	Ông Hoàng Duy Khánh	Thành viên
Ban điều hành	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Tổng Giám đốc
	Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Thị Hòa Châu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
	Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
	Ông Nguyễn Phước Hoàng	Giám đốc điều hành
	Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc điều hành
	Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Giám đốc điều hành
	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Giám đốc điều hành
	Bà Nguyễn Thị Tường Long	Kế toán trưởng
Trụ sở đăng ký	36 Ông Ích Đường, Phường Cẩm Lệ Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam *(địa chỉ trước khi thay đổi địa giới hành chính:* *36 Ông Ích Đường, Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ* *Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam)*	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

(a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban điều hành

M.S.D.N: 0400101556 C.T.C.P. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ P. CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

Nguyễn Ngọc Bình
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH KPMG, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 25-04-00039-26-1

Wang Toon Kim Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số: 0557-2023-007-1 *Phó Tổng Giám đốc*	Đàm Xuân Lâm Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số: 0861-2023-007-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**2.649.547.185.295**	**2.017.951.716.064**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**396.505.570.343**	**454.019.286.437**
Tiền	111		49.874.570.343	9.182.286.437
Các khoản tương đương tiền	112		346.631.000.000	444.837.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**768.795.315.000**	**248.647.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	768.795.315.000	248.647.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**642.862.170.097**	**530.504.060.137**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	606.616.113.406	514.308.817.115
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.847.924.726	5.713.680.483
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7(b)	2.342.860.000	2.342.860.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	26.055.271.965	12.972.446.575
Dự phòng phải thu khó đòi	137		-	(4.833.744.036)
Hàng tồn kho	**140**	**9**	**783.841.832.956**	**735.218.741.888**
Hàng tồn kho	141		785.603.104.889	736.745.779.876
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.761.271.933)	(1.527.037.988)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**57.542.296.899**	**49.562.627.602**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	9.310.237.630	10.319.739.401
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		47.441.891.566	39.242.888.201
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16(a)	790.167.703	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	**200**		**926.496.558.515**	**741.642.042.249**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**623.465.192**	**2.994.672.947**
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7(b)	-	2.342.860.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	623.465.192	651.812.947
Tài sản cố định	**220**		**530.592.102.895**	**583.735.210.995**
Tài sản cố định hữu hình	221	10	529.160.701.845	582.112.354.358
Nguyên giá	*222*		*1.782.300.440.331*	*1.832.499.725.898*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(1.253.139.738.486)*	*(1.250.387.371.540)*
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.431.401.050	1.622.856.637
Nguyên giá	*228*		*12.975.673.106*	*12.331.167.538*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(11.544.272.056)*	*(10.708.310.901)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**182.015.850.120**	**16.435.146.507**
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	182.015.850.120	16.435.146.507
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**176.861.341.218**	**101.737.759.386**
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	92.748.900.000	92.748.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	10.428.000.000	10.428.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	6.900.000.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	(8.233.558.782)	(9.194.842.614)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	75.018.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	**260**		**36.403.799.090**	**36.739.252.414**
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	35.005.209.479	35.172.340.594
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	1.398.589.611	1.566.911.820
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**3.576.043.743.810**	**2.759.593.758.313**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**2.550.723.898.365**	**1.907.840.845.249**
Nợ ngắn hạn	**310**		**2.258.992.235.927**	**1.700.143.992.056**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	263.582.297.643	270.172.771.050
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.534.450.184	7.761.349.325
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(b)	24.669.714.364	30.502.353.409
Phải trả người lao động	314		427.219.422.751	310.660.767.533
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	6.202.483.466	5.760.255.516
Doanh thu chưa thực hiện - ngắn hạn	318		108.886.990	87.787.572
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	115.734.285.336	133.717.795.119
Vay ngắn hạn	320	19(a)	1.320.739.677.203	866.486.025.141
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	93.201.017.990	74.994.887.391
Nợ dài hạn	**330**		**291.731.662.438**	**207.696.853.193**
Vay dài hạn	338	19(b)	291.731.662.438	207.696.853.193
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**1.025.319.845.445**	**851.752.913.064**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**21**	**1.025.319.845.445**	**851.752.913.064**
Vốn cổ phần	411	22	360.027.080.000	360.027.080.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*360.027.080.000*	*360.027.080.000*
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	250.148.011.222	208.385.253.247
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		415.144.754.223	283.340.579.817
- *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*421a*		*200.006.728.242*	*153.262.791.808*
- *LNST năm nay*	*421b*		*215.138.025.981*	*130.077.788.009*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**3.576.043.743.810**	**2.759.593.758.313**

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Thùy Linh	Nguyễn Thị Tường Long	Nguyễn Ngọc Bình
Chuyên viên	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**26**	**5.074.624.437.835**	**4.765.983.156.585**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**26**	**85.176.169**	**3.702.249.918**
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**26**	**5.074.539.261.666**	**4.762.280.906.667**
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	**11**	**27**	**4.512.243.838.384**	**4.230.178.983.270**
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	**20**		**562.295.423.282**	**532.101.923.397**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	115.845.813.078	112.233.654.332
Chi phí tài chính	22	29	68.481.429.502	77.596.413.323
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*48.449.236.837*	*36.788.812.234*
Chi phí bán hàng	25	30	79.946.710.483	86.631.450.559
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	163.654.400.825	155.652.019.496
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**366.058.695.550**	**324.455.694.351**
Thu nhập khác	31	32	15.930.791.219	20.982.663.547
Chi phí khác	32	33	1.464.662.980	2.555.006.873
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**14.466.128.239**	**18.427.656.674**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**380.524.823.789**	**342.883.351.025**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**35**	**75.211.705.599**	**68.098.914.278**
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**	**35**	**168.322.209**	**695.816.738**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**305.144.795.981**	**274.088.620.009**

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Thùy Linh	Nguyễn Thị Tường Long	Nguyễn Ngọc Bình
Chuyên viên	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**380.524.823.789**	**342.883.351.025**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		115.417.969.729	103.636.457.405
Các khoản dự phòng	03		(5.560.793.923)	(5.249.242.520)
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.600.166.631	10.646.894.848
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(48.863.949.337)	(25.599.332.777)
Chi phí lãi vay	06		48.449.236.837	36.788.812.234
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**498.567.453.726**	**463.106.940.215**
Biến động các khoản phải thu	09		(108.210.519.182)	(1.489.452.940)
Biến động hàng tồn kho	10		(48.857.325.013)	(37.312.817.823)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		115.194.056.951	21.459.502.325
Biến động chi phí trả trước	12		1.176.632.886	(4.529.716.402)
			457.870.299.368	**441.234.455.375**
Tiền lãi vay đã trả	14		(47.944.087.666)	(36.822.274.377)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16(a)	(81.130.050.620)	(54.840.622.311)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		815.000.000	310.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	20	(24.179.963.001)	(18.298.414.035)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**305.431.198.081**	**331.583.144.652**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(242.365.791.789)	(174.452.542.613)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		5.642.246.861	1.562.856.057
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.152.753.315.000)	(602.523.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		559.929.860.000	540.825.562.730
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		655.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		41.064.447.740	25.103.452.181
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(787.827.552.188)**	**(209.483.671.645)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		4.303.428.542.953	4.006.597.749.816
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.772.385.850.606)	(3.716.929.761.321)
Tiền trả cổ tức	36		(106.528.167.000)	(159.701.949.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**424.514.525.347**	**129.966.038.995**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**(57.881.828.760)**	**252.065.512.002**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**		**454.019.286.437**	**201.947.046.193**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	**61**		**368.112.666**	**6.728.242**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**4**	**396.505.570.343**	**454.019.286.437**

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Thùy Linh	Nguyễn Thị Tường Long	Nguyễn Ngọc Bình
Chuyên viên	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau của Tổng Công ty:

Tên	Thông tin chính
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Trụ sở chính	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 0400101556 ngày 30 tháng 1 năm 2007. Bao gồm các chi nhánh hoạt động trên cùng địa bàn: - Nhà máy May Hòa Thọ 1 - Nhà máy May Veston Hòa Thọ - Nhà máy Sợi Hòa Thọ 1 - Nhà máy Sợi Hòa Thọ 2 - Trung tâm Kinh doanh Thời trang Hòa Thọ - Trung tâm Thương mại Hòa Thọ
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ Triệu Phong	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-020 ngày 29 tháng 7 năm 2020 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2025: 5 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có 8.918 nhân viên (1/1/2025: 8.776 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 10 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho bên giao gia công. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty, công ty mẹ – Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	95.875.000	76.303.000
Tiền gửi ngân hàng	49.778.695.343	9.105.983.437
Các khoản tương đương tiền	346.631.000.000	444.837.000.000
	396.505.570.343	454.019.286.437

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm dao động từ 4,75% đến 6% (1/1/2025: từ 0,5% đến 4,75%).

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
• Tiền gửi có kỳ hạn	768.795.315.000	768.795.315.000	248.647.000.000	248.647.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
• Tiền gửi có kỳ hạn	75.018.000.000	75.018.000.000	-	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán, với lãi suất năm từ 4,75% đến 8,2% (1/1/2025: từ 3,0% đến 5,7%).

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán, với lãi suất năm từ 7,5% đến 8,2%.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với giá trị ghi sổ là 12.500 triệu VND (1/1/2025: 13.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 19).

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ	31/12/2025 Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	1/1/2025 Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:											
Công ty con											
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	775.863	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-	775.863	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Đà Nẵng	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	-	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Đà Nẵng	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Đà Nẵng	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	-	-	100%	100%	2.000.000.000	-
					92.748.900.000	-				92.748.900.000	-
Công ty liên kết											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Đà Nẵng	642.800	30,61%	30,61%	6.428.000.000	-	642.800	30,61%	30,61%	6.428.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Đà Nẵng	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(1.933.558.782)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(2.389.163.963)
					10.428.000.000	(1.933.558.782)				10.428.000.000	(2.389.163.963)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	31/12/2025 Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	1/1/2025 Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đơn vị khác											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	-	-	-	-	-	6.500	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Đà Nẵng	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					6.900.000.000	(6.300.000.000)				7.755.702.000	(6.805.678.651)
					110.076.900.000	(8.233.558.782)				110.932.602.000	(9.194.842.614)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Motives International (Hong Kong) Limited	163.007.372.409	160.078.938.476
Haggar Clothing Co.	114.529.023.052	124.387.033.539
Các khách hàng khác	329.079.717.945	229.842.845.100
	606.616.113.406	514.308.817.115

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị ghi sổ là 399.520 triệu VND (1/1/2025: 118.460 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 19(a)).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	91.677.125	121.055.860
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	20.432.181.117	20.192.693.735
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	295.318.891	253.996.985
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	68.334.105	-
Công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	-	53.265.600
Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	21.826.612	-
	20.909.337.850	20.621.012.180

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay chi tiết theo đối tượng lớn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan - công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh (*)	2.342.860.000	4.685.720.000

(*) Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất 7,1%/năm (1/1/2025: 6,7%/năm) và sẽ được hoàn trả theo lịch trả nợ trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 25 tháng 1 năm 2022.

(b) Phải thu về cho vay phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngắn hạn	2.342.860.000	2.342.860.000
Dài hạn	-	2.342.860.000
	2.342.860.000	4.685.720.000

8. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền lãi phải thu	10.665.744.910	3.937.823.412
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.631.114.756	164.456.250
Tạm ứng nhân viên	1.900.447.253	1.442.764.174
Thuế nhập khẩu tạm nộp	418.169.161	339.996.504
Thuế thu nhập cá nhân tạm nộp	4.688.957.075	6.356.296.046
Phải thu khác	1.750.838.810	731.110.189
	26.055.271.965	12.972.446.575

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	623.465.192	651.812.947

9. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	91.496.658.910	-	100.570.842.242	(487.038.128)
Nguyên vật liệu	234.039.028.578	-	200.428.392.593	(294.882.197)
Công cụ và dụng cụ	1.029.190.777	-	1.157.040.304	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	379.922.574.018	(1.315.637.970)	332.829.748.019	(311.122.549)
Thành phẩm	19.718.065.298	(104.285.925)	24.161.375.051	(133.125.196)
Hàng hóa	2.611.650.884	(4.333.328)	4.588.938.731	-
Hàng gửi đi bán	56.785.936.424	(337.014.710)	73.009.442.936	(300.869.918)
	785.603.104.889	(1.761.271.933)	736.745.779.876	(1.527.037.988)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 5.681 triệu VND (1/1/2025: 88.152 triệu VND) thành phẩm, hàng hóa, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hàng gửi đi bán được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 783.842 triệu VND (1/1/2025: 644.600 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 19(a)).

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	441.751.818.199	1.143.388.530.168	132.849.312.710	10.127.057.047	104.383.007.774	1.832.499.725.898
Tăng trong năm	4.561.044.914	6.976.915.450	3.254.559.283	437.855.500	3.400.374.563	18.630.749.710
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.808.100.046	36.637.917.773	2.892.321.734	3.863.955.093	406.240.000	47.608.534.646
Thanh lý	(13.087.633.874)	(96.177.215.668)	(559.335.955)	(221.188.093)	(6.393.196.333)	(116.438.569.923)
Số dư cuối năm	437.033.329.285	1.090.826.147.723	138.436.857.772	14.207.679.547	101.796.426.004	1.782.300.440.331
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	209.357.801.300	879.977.624.403	59.280.236.710	8.431.999.628	93.339.709.499	1.250.387.371.540
Khấu hao trong năm	21.453.321.858	74.642.324.868	13.994.835.431	863.658.327	3.627.868.090	114.582.008.574
Thanh lý	(8.676.476.772)	(96.016.563.475)	(559.335.955)	(221.188.093)	(6.356.077.333)	(111.829.641.628)
Số dư cuối năm	222.134.646.386	858.603.385.796	72.715.736.186	9.074.469.862	90.611.500.256	1.253.139.738.486
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	232.394.016.899	263.410.905.765	73.569.076.000	1.695.057.419	11.043.298.275	582.112.354.358
Số dư cuối năm	214.898.682.899	232.222.761.927	65.721.121.586	5.133.209.685	11.184.925.748	529.160.701.845

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 776.184 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 831.037 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 208.948 triệu VND (1/1/2025: 209.005 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 19).

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	12.331.167.538
Tăng trong năm	449.861.818
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	194.643.750
Số dư cuối năm	12.975.673.106
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	10.708.310.901
Khấu hao trong năm	835.961.155
Số dư cuối năm	11.544.272.056
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.622.856.637
Số dư cuối năm	1.431.401.050

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 9.305 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: 8.304 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	16.435.146.507	355.340.191
Tăng trong năm	213.383.882.009	186.715.303.037
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(47.608.534.646)	(170.635.496.721)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(194.643.750)	-
Số dư cuối năm	182.015.850.120	16.435.146.507

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đầu tư thiết bị ngành sợi	135.793.876.812	16.376.257.618
Đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên	25.060.684.723	-
Đầu tư cải tạo Công ty May Điện Bàn	14.170.647.555	-
Các công trình khác	6.990.641.030	58.888.889
	182.015.850.120	16.435.146.507

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trả trước phí bảo hiểm	2.442.565.456	2.379.021.977
Công cụ và dụng cụ	1.127.790.063	696.143.433
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.232.073.593	1.692.599.382
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.507.808.518	5.551.974.609
	9.310.237.630	10.319.739.401

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	21.187.886.016	13.984.454.578	35.172.340.594
Tăng trong năm	11.280.189.733	10.747.140.627	22.027.330.360
Phân bổ trong năm	(11.220.287.207)	(10.946.653.363)	(22.166.940.570)
Thanh lý	(27.520.905)	-	(27.520.905)
Số dư cuối năm	21.220.267.637	13.784.941.842	35.005.209.479

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	263.127.594	218.608.575
Doanh thu chưa thực hiện	20%	888.314.380	1.546.700.816
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	20%	247.147.637	-
		1.398.589.611	1.765.309.391
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	20%	-	(198.397.571)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		1.398.589.611	1.566.911.820

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Hultafors Group AB	32.338.943.491	23.110.495.965
Các nhà cung cấp khác	231.243.354.152	247.062.275.085
	263.582.297.643	270.172.771.050

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	3.699.937.213	4.584.283.628
Công ty con		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	11.796.813.717	7.477.089.706
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An	13.601.344.668	2.678.305.473
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	1.947.524.315	1.369.259.585
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	2.645.429.145	3.051.994.197
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	11.278.019	6.264.687
Công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	7.735.939	7.644.535
Tổng công ty Cổ phần Phong Phú	-	274.347.052
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín – công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên gia đình thân cận của một người quản lý chủ chốt của Tổng Công ty	596.681.208	180.307.585
	34.306.744.224	19.629.496.448

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số bù trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	790.167.703	-	790.167.703

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.898.790.936	138.134.007.589	(137.526.246.289)	4.506.552.236
Thuế nhập khẩu	-	1.560.144.561	(1.544.473.213)	15.671.348
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.504.183.001	75.211.705.599	(81.130.050.620)	17.585.837.980
Thuế thu nhập cá nhân	3.099.379.472	9.447.992.539	(9.985.719.211)	2.561.652.800
Tiền thuê đất	-	4.868.552.313	(4.868.552.313)	-
Các loại thuế khác	-	607.688.254	(607.688.254)	-
	30.502.353.409	229.830.090.855	(235.662.729.900)	24.669.714.364

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí hoạt động	3.171.866.863	2.796.559.523
Chi phí lãi vay	813.058.990	307.909.819
Chi phí tiền điện, nước	2.170.325.613	2.393.272.038
Các khoản trích trước khác	47.232.000	262.514.136
	6.202.483.466	5.760.255.516

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Kinh phí công đoàn	21.656.345.514	19.224.507.708
Ứng trước từ khách hàng cho các khoản chi hộ	317.450.813	1.396.591.175
Cổ tức phải trả (*)		
▪ *Tập đoàn Dệt May Việt Nam – công ty mẹ*	55.685.512.500	66.822.615.000
▪ *Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín – công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên gia đình thân cận của một người quản lý chủ chốt của Tổng Công ty*	188.792.500	226.551.000
▪ *Cổ đông khác*	35.916.835.100	42.537.258.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.969.348.909	3.510.272.136
	115.734.285.336	133.717.795.119

(*) Cổ tức phải trả bao gồm khoản tạm ứng cổ tức cho năm 2025 và đã được chi trả vào ngày 19 tháng 1 năm 2026.

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	31/12/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	858.323.413.544	4.218.566.532.533	(3.764.223.239.008)	547.443.832	1.313.214.150.901
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	8.162.611.597	7.290.407.107	(8.162.611.598)	235.119.196	7.525.526.302
	866.486.025.141	4.225.856.939.640	(3.772.385.850.606)	782.563.028	1.320.739.677.203

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	VND	3,8% - 6,4%	546.983.649.782	69.396.695.846
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,4%	193.076.592.965	426.032.327.527
Vay ngân hàng 3 (i)	VND	5,2% - 6,5%	162.236.312.563	-
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	2,6% - 3,4%	139.658.007.019	244.600.157.644
Vay ngân hàng 5 (i)	VND	5,0%	131.997.622.070	-
Vay ngân hàng 6 (i)	VND	6,2% - 7,0%	50.196.192.737	-
Vay ngân hàng 7 (i)	VND	3,6% - 4,5%	49.999.206.158	-
Vay ngân hàng 8 (i)	VND	1,5%	21.370.036.036	-
Vay ngân hàng 9 (ii)	VND	4,8%	17.696.531.571	-
Vay ngân hàng 10 (i)	USD	2,6% - 3,1%	-	86.362.907.945
Vay ngân hàng 11 (i)	VND	2,6%	-	31.666.283.486
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	6,0%	-	265.041.096
			1.313.214.150.901	858.323.413.544

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 5(a)), một số khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 6(a)), một số hàng tồn kho (Thuyết minh 9) và tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).

(ii) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Vay dài hạn	299.257.188.740	215.859.464.790
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(7.525.526.302)	(8.162.611.597)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	291.731.662.438	207.696.853.193

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Quỹ bảo vệ môi trường (i)	VND	2,6%	2025	-	1.550.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (ii)	USD	SOFR + 0,7%	2039	299.257.188.740	214.309.464.790
				299.257.188.740	215.859.464.790

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 5(a)).

(ii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á có hạn mức là 9.042.587 USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông thường niên của Tổng Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	74.994.887.391	78.602.531.821
Trích lập trong năm	41.571.093.600	14.380.769.605
Tăng khác	815.000.000	310.000.000
Sử dụng trong năm	(24.179.963.001)	(18.298.414.035)
Số dư cuối năm	93.201.017.990	74.994.887.391

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	360.027.080.000	198.625.892.531	213.405.630.129	772.058.602.660
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	274.088.620.009	274.088.620.009
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	9.759.360.716	(9.759.360.716)	-
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(180.013.540.000)	(180.013.540.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(14.380.769.605)	(14.380.769.605)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	360.027.080.000	208.385.253.247	283.340.579.817	851.752.913.064
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	305.144.795.981	305.144.795.981
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	41.762.757.975	(41.762.757.975)	-
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(90.006.770.000)	(90.006.770.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(41.571.093.600)	(41.571.093.600)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	360.027.080.000	250.148.011.222	415.144.754.223	1.025.319.845.445

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	36.002.708	360.027.080.000	36.002.708	360.027.080.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	360.027.080.000	36.002.708	360.027.080.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	360.027.080.000	36.002.708	360.027.080.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	31/12/2025 và 1/1/2025 Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	22.274.205	222.742.050.000	61,87%
Các cổ đông khác	13.728.503	137.285.030.000	38,13%
	36.002.708	360.027.080.000	100%

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Tổng Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 144.011 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 40%/vốn điều lệ) cho năm 2024, trong đó, khoản cổ tức đã tạm ứng trong năm 2024 là 144.011 triệu VND (2024: cổ tức bằng tiền trị giá 126.009 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 35%/vốn điều lệ) cho năm 2023, trong đó, khoản cổ tức đã tạm ứng trong năm 2023 là 90.007 triệu VND).

Ngày 17 tháng 11 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức cho cổ đông với số tiền là 90.007 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 25%/vốn điều lệ) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	26.043.436.643	26.746.113.272
Trong vòng hai đến năm năm	76.507.700.310	89.905.378.893
Sau năm năm	93.366.510.069	105.231.317.379
	195.917.647.022	221.882.809.544

(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	Đơn vị tính	31/12/2025 Số lượng	1/1/2025 Số lượng
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 1	Mét	32.021.539	12.650.039
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 2	Cái	13.288.299	16.369.521
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 3	Yard	1.148.832	2.197.318
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 4	Bộ	342.654	1.212.634
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 5	Cuộn	29.505	21.089
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 6	Đôi	2	-
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 7	Kilôgam	-	25

(c) Ngoại tệ

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.781.404,59	46.466.180.041	131.012,56	3.309.951.503

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	63.960.000.000	137.940.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	134.490.000.000	37.790.000.000
	198.450.000.000	175.730.000.000

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	5.045.645.138.298	4.741.159.719.638
▪ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	28.979.299.537	24.823.436.947
	5.074.624.437.835	4.765.983.156.585
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	-	(3.573.265.020)
▪ Hàng bán bị trả lại	(85.176.169)	(128.984.898)
	(85.176.169)	(3.702.249.918)
Doanh thu thuần	5.074.539.261.666	4.762.280.906.667

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2025 VND	2024 VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ gia công và may mặc	4.490.783.565.988	4.217.662.633.693
Giá vốn hàng bán và dịch vụ khác	21.226.038.451	17.597.139.208
Trích thêm/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	234.233.945	(5.080.789.631)
	4.512.243.838.384	4.230.178.983.270

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi, cho vay và ứng trước	42.448.558.693	23.588.093.883
Cổ tức được chia	6.131.744.500	1.517.859.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	67.262.893.946	87.124.678.112
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.615.939	3.023.337
	115.845.813.078	112.233.654.332

29. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	48.449.236.837	36.788.812.234
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.192.607.866	30.329.159.130
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.600.166.631	10.646.894.848
Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(961.283.832)	(168.452.889)
Chi phí tài chính khác	200.702.000	-
	68.481.429.502	77.596.413.323

30. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	4.818.839.541	4.523.940.096
Chi phí vật liệu, bao bì	622.242.721	654.541.567
Chi phí khấu hao tài sản cố định	338.096.965	885.600.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.402.611.238	64.967.125.926
Chi phí khác	15.764.920.018	15.600.242.584
	79.946.710.483	86.631.450.559

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	80.444.978.858	76.336.829.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.171.284.281	11.092.784.782
Thuế, phí và lệ phí	9.995.696.744	13.732.036.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.691.854.251	26.754.536.714
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(4.833.744.036)	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.750.615.878	2.095.114.856
Chi phí khác	30.433.714.849	25.640.717.436
	163.654.400.825	155.652.019.496

32. Thu nhập khác

	2025 VND	2024 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	271.261.444	493.379.894
Tiền phạt, bồi thường, thưởng nhận được	12.516.847.970	19.256.239.048
Tài sản cố định được biếu tặng	213.086.700	-
Các khoản thu nhập khác	2.929.595.105	1.233.044.605
	15.930.791.219	20.982.663.547

33. Chi phí khác

	2025 VND	2024 VND
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	33.169.643	751.348.193
Các khoản chi phí khác	1.431.493.337	1.803.658.680
	1.464.662.980	2.555.006.873

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.615.620.771.652	2.553.349.065.526
Chi phí nhân viên	1.503.926.879.336	1.257.770.673.898
Chi phí khấu hao và phân bổ	115.417.969.729	103.636.457.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	528.853.038.548	551.528.355.207

35. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	75.202.068.362	67.349.562.707
Dự phòng thiếu năm trước	9.637.237	749.351.571
	75.211.705.599	68.098.914.278
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	168.322.209	695.816.738
	75.380.027.808	68.794.731.016

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	380.524.823.789	342.883.351.025
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	76.104.964.758	68.576.670.205
Thu nhập không bị tính thuế	(1.226.348.900)	(303.571.800)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.094.630.013	1.065.605.309
Biến động của chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	-	(643.341.457)
Dự phòng thiếu năm trước	9.637.237	749.351.571
Giảm thuế (*)	(602.855.300)	(649.982.812)
	75.380.027.808	68.794.731.016

(*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động nữ có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho người lao động nữ.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025	**2024**
	VND	**VND**
Công ty mẹ - *Tập đoàn Dệt May Việt Nam*		
Cổ tức bằng tiền	55.685.512.500	111.371.025.000
Mua dịch vụ	15.327.428.252	15.921.792.165
Chi phí lãi vay	13.456.541.297	15.309.999.010
Trả gốc vay	6.612.611.598	5.735.148.911
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.667.100.670	7.799.274.685
Mua dịch vụ	3.353.616.791	1.061.679.402
Thu nhập cổ tức	1.163.794.500	298.409.000
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An		
Mua hàng hóa và dịch vụ	60.439.158.333	50.171.974.830
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.601.057.679	2.230.290.358
Thanh lý tài sản cố định	-	256.602.133
Thu nhập lãi từ tiền ứng trước	-	5.795.745
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên		
Mua dịch vụ	69.208.744.065	70.039.361.136
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.936.566.817	1.513.716.469
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	408.650.000	408.650.000
Thanh lý sản cố định	197.942.878	-
Thu nhập lãi từ tiền ứng trước	-	9.315.776
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ		
Mua dịch vụ	7.569.343.999	6.714.776.267
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	240.118.741	226.913.483
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình		
Bán hàng hóa	51.561.434.913	57.904.881.597
Cổ tức nhận được bằng tiền	3.724.500.000	-
Bán công cụ dụng cụ	1.818.182	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	3.820.561.938

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025	**2024**
	VND	**VND**
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Mua hàng hóa và dịch vụ	79.300.000.079	87.918.187.023
Nhận hoàn trả gốc cho vay	2.342.860.000	2.342.860.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.124.471.764	2.461.506.746
Thu nhập lãi cho vay và ứng trước	379.283.955	512.672.733
Bán công cụ dụng cụ	1.064.815	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.563.225.023	33.897.357.229
Cổ tức nhận được bằng tiền	642.800.000	-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	210.487.266	337.113.808
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	-	642.800.000
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Bán hàng hóa	219.939.091	141.166.172
Mua hàng hóa và dịch vụ	112.173.167	68.471.316
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Bán hàng hóa	-	459.994.037
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.355.004.399	2.251.027.071
Bán hàng hóa	10.631.817	-
Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh		
Bán tài sản cố định	20.209.825	-
Công ty Cổ phần bao bì Hoà Thọ - Quảng Đà		
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.513.759.026	20.421.082.500
Cổ tức nhận được	192.000.000	168.000.000

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	**2024 VND**
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín – công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên gia đình thân cận của một người quản lý chủ chốt của Tổng Công ty		
Mua dịch vụ	4.016.771.670	2.969.393.659
Cổ tức bằng tiền	188.792.500	377.585.000
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi của người quản lý chủ chốt		
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.852.025.940	2.438.397.609
Thành viên khác trong Ban điều hành		
Tiền lương và thưởng	16.878.646.196	15.540.063.963
Thành viên Ban Kiểm soát		
Tiền lương, thưởng và thù lao	845.494.215	681.306.014
Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Thù lao và thưởng	4.102.361.755	3.208.891.148
Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	436.178.530	93.333.332
Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	133.333.332	90.999.999
Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao và thưởng	519.999.997	385.555.552
Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao và tiền lương	1.049.764.087	425.803.064

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2025 VND	**2024 VND**
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	408.650.000	1.051.450.000
Cổ tức trả thông qua bù trừ công nợ	1.273.887.000	1.910.830.500
Lãi cho vay, ứng trước nhận được thông qua bù trừ công nợ	379.283.955	527.784.254
Thanh lý tài sản cố định thông qua bù trừ công nợ	197.942.878	256.602.133
Thu nhập từ tài sản cố định được biếu tặng	213.086.700	-

38. Thông tin so sánh

Các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Thùy Linh	Nguyễn Thị Tường Long	Nguyễn Ngọc Bình
Chuyên viên	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ

Số: 66 /CV-HT
V/v Giải trình về biến động LNST năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: - Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Căn cứ quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế giữa báo cáo tài chính riêng, hợp nhất năm 2025 và báo cáo tài chính riêng, hợp nhất năm 2024 như sau:

1) **Đối với kết quả hoạt động kinh doanh Tổng Công ty :**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng(+)/Giảm(-)
Báo cáo tài chính riêng			
Lợi nhuận sau thuế	**305.144.795.981**	**274.088.620.009**	+11,3%
Báo cáo tài chính hợp nhất			
Lợi nhuận sau thuế	**322.446.845.006**	**282.504.099.078**	+14,1%

2) **Nguyên nhân:**

Trong năm 2025, thị trường dệt may Việt Nam tăng trưởng, đơn hàng ổn định cụ thể doanh thu năm 2025 tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2024.

Việc tăng cường các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn trong kỳ cũng như việc kiểm soát tốt các chi phí sản xuất kinh doanh cũng đã góp phần cải thiện hiệu quả tài chính so với cùng kỳ.

Trên đây là giải trình về sự biến động Lợi nhuận sau thuế giữa báo cáo tài chính riêng, hợp nhất năm 2025 so với năm 2024 của Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ.

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0400... - C.T.C.P. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ - P. CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

NGUYỄN NGỌC BÌNH